

Số: 608/2023/DS-PT

Ngày: 26/12/2023

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;
Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 478/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14335/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị H – (Chết ngày 22/9/2022)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị H:

- Ông Tô Ngọc V - sinh năm 1949, (có mặt);

- Bà Tô Thị N - sinh năm 1964, (có mặt);

Đều trú tại: Khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Ông Tô Văn T - sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu C, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, (có mặt);

- Anh Tô Mạnh C - sinh năm 1984; Địa chỉ: số nhà I, C/C N, số F, đường A, Khu phố D, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

- Anh Tô Minh V1 - sinh năm 1986; Địa chỉ: Hiện đang sinh sống, làm việc tại C Pháp, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh C, anh V1 là bà Lê Thị H1, sinh năm 1962; địa chỉ: khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, (xin xét xử vắng

mặt).

2. Bị đơn: Ông Tô Văn T1 - sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tô Thanh T2, sinh năm 1993 và chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1993; Điều trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, (có mặt);

- Ông Tô Ngọc V, sinh năm 1949, (có mặt);

- Bà Tô Thị N, sinh năm 1964, (có mặt);

Điều trú tại: Khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Ông Tô Văn T, sinh năm 1958, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu C, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Tô Mạnh C, sinh năm 1984. Địa chỉ: số nhà I, C/C N, số F, đường A, Khu phố D, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

- Anh Tô Minh V1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Hiện đang sinh sống, làm việc tại C Pháp, (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của anh C, anh V1: Bà Lê Thị H1 - sinh năm 1962 (là mẹ đẻ), địa chỉ: khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:* cụ Nguyễn Thị H (chết ngày 22/9/2022) và cụ Tô Văn L (chết năm 2003) sinh được 07 người con gồm: Tô Văn T3 (là Liệt sỹ, không có vợ con); Tô Ngọc V, Tô Văn Q1 (là Liệt sỹ, không có vợ con), Tô Văn T, Tô Văn C1 (chết năm 1994 có vợ là Lê Thị H1 và 02 con là Tô Mạnh C, Tô Minh V1), Tô Thị N và Tô Văn T1, hai cụ không có con riêng, con nuôi. Các cụ có tạo lập được tài sản sau: đất ở tại số thửa 143 diện tích 265m² và đất ao tại số thửa 145 diện tích 100m², theo bản đồ đo đạc năm 1995, địa chỉ: Khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất này trước kia có 01 nhà ngói 03 gian + bếp nhỏ. Ngày 15/8/2000 các cụ đã lập di chúc cho con trai út là ông Tô Văn T1 toàn bộ nhà, đất này. Đến tháng 12/2003 cụ Tô Văn L chết, còn lại cụ H trông coi, quản lý nhà, đất này. Tháng 4/2012, cụ H được Nhà nước hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa và thời điểm này cụ đã làm văn bản hủy bỏ di chúc đối với phần tài sản của cụ trong tài sản chung của các cụ tại di chúc đã cho ông Tô Văn T1. Cũng thời gian này do nhà 03 gian và bếp nhỏ xuống cấp, không còn sử dụng được nữa do xây dựng từ những năm 1980, vì vậy, cụ H đã phá dỡ toàn bộ nhà, bếp này đi để xây dựng nhà tình nghĩa và một gian nhà cho cụ ở dựa trên tiền hỗ trợ của Nhà nước và các con cháu đóng góp. Tuy nhiên, tháng 12/2021, ông Tô Văn T1 ra xây dựng nhà ở trên

đất này, tỏ thái độ thiếu tôn trọng cụ H và các anh chị trong gia đình. Cụ H và gia đình đã họp bàn cũng như đưa sự việc ra UBND xã T hòa giải, giải quyết tranh chấp nhưng ông T1 không đồng ý và khẳng định đây là đất các cụ đã cho ông là của ông không tranh chấp với ai.

Do đó, cụ Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án: Chia di sản thừa kế phần di sản của cụ Tô Văn L để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế. Đối với phần tài sản của cụ H gồm 132,5m² đất ở, 50m² đất ao cùng nhà tình nghĩa xây dựng trên đó, khi còn sống thì cụ ở, khi cụ chết thì để lại làm nhà thờ, thờ cúng ông bà, tổ tiên, vợ chồng cụ và hai con liệt sỹ. Quá trình giải quyết vụ án, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H là ông V, ông T, bà N có thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Hủy một phần di chúc của cụ H trong di chúc chung của cụ H và cụ Tô Văn L; Phân chia cụ thể diện tích đất của cụ và diện tích đất của ông Tô Văn T1 (được thừa kế phần của cụ Tô Văn L theo di chúc chung), cụ thể:

- + Chia cho cụ Nguyễn Thị H, diện tích 121m² đất thổ cư, tại thửa 143, tờ bản đồ số 6, bản đồ đo đạc năm 1995, địa chỉ: Khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Có tứ cận phía bắc giáp nhà ông P, phía Đông giáp đường N, phía Nam và phía Tây giáp nhà đất và ao để lại cho ông Tô Văn T1.

- + Xác định các tài sản trên diện tích đất này gồm: Nhà mái bằng được nhà nước hỗ trợ xây dựng năm 2012 diện tích 30,6m²; Mái lợp Bro đằng trước nhà xây dựng năm 2012 diện tích 11,5m²; Mái lợp Bro phía sau xây dựng năm 2012 diện tích 12m²; Cổng dậu phía trước lưới B40 khung tuýp 3,53m xây dựng năm 2012; Bếp sau nhà xây dựng năm 2012 có diện tích 11,1m²; mái tôn xây dựng năm 2019 diện tích 6m²; Khu nhà vệ sinh xây dựng năm 2019 diện tích 4m²; Bể nước xây dựng năm 2012 diện tích 1,7m²; Sân bê tông xây dựng năm 2019 diện tích 36,5m² là tài sản riêng của cụ.

- + Buộc ông Tô Văn T1 và vợ chồng Tô Thanh T2, Đỗ Thị Q phải tháo dỡ: mái lợp Bro tạm 7m² đằng sau + một phần biển quảng cáo đằng trước trên đất của cụ.

** Bị đơn ông Tô Văn T1 trình bày:* Ông là con trai út của cụ Tô Văn L và cụ Nguyễn Thị H. Năm 2000 do các anh trai của ông tranh chấp đối với nhà đất ở trên mà các cụ làm ra. Vì vậy, các cụ đã nói với ông để tránh việc tranh chấp, bắt đồng anh em sau này nên các cụ đã lập di chúc thừa kế toàn bộ nhà, đất trên cho ông. Năm 2012, cụ H và các anh chị em nhà ông đã yêu cầu ông ký vào biên bản huỷ bỏ di chúc của cụ H nhưng ông không đồng ý. Sau đó, cụ H tháo dỡ nhà 03 gian cùng bếp để xây dựng nhà tình nghĩa và các công trình khác trên một phần đất này. Năm 2021 khi con trai ông về thì ông cùng con trai tiến hành xây dựng nhà và các công trình khác trên phần đất trống còn lại. Khi này thì xảy ra tranh chấp với cụ H và các anh em trong gia đình, sau đó sự việc được đưa ra UBND

xã T giải quyết nhưng ông không đồng ý. Quan điểm của ông, nhà đất này các cụ đã di chúc cho ông là thuộc quyền của ông. Việc cụ H đã dỡ bỏ nhà ông được thừa kế đi xây dựng nhà khác thì phải để lại nhà xây dựng mới đó cho ông, vì hiện tại ông không có nhà ở mà ở nhờ các con.

Do đó, ông T1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H cũng như những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng đối với ông về diện tích nhà, đất này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q trình bày:* Anh, chị không liên quan gì đến việc huỷ bỏ di chúc và phân chia di sản của cụ H với bố anh, chị là Tô Văn T1. Đối với lán bro lợp tạm 7m² phía đằng sau nhà của cụ H là anh, chị và ông T1 xây dựng. Đối với một phần biển quảng cáo phía trước nhà là do Công ty bia rượu nước giải khát S làm cho anh, vì anh bán sản phẩm cho Công ty này, nếu phải thực hiện việc tháo dỡ trả lại đất cho cụ H thì anh, chị sẽ thực hiện. Quan điểm của anh, chị diện tích nhà đất này cụ Nguyễn Thị H và cụ Tô Văn L đã lập di chúc cho bố anh, chị là ông Tô Văn T1 nên là của ông T1. Việc các bác anh, chị ra tranh chấp không phải để làm nhà thờ mà có mục đích khác.

** Đại diện UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình trình bày:* Việc cụ Tô Văn L, cụ Nguyễn Thị H lập di chúc năm 2000 tại UBND xã T, huyện T là đúng. Di chúc của các cụ lập được thực hiện đúng pháp luật về thừa kế. Năm 2012 cụ Nguyễn Thị H có văn bản huỷ bỏ đi một phần di chúc trong di chúc chung của cụ và cụ Tô Văn L, sau đó cụ thực hiện việc xây dựng nhà, công trình khác trên một phần đất này. Thời điểm này ông Tô Văn T1 không đồng ý với việc huỷ bỏ một phần di chúc của cụ, nên không ký vào văn bản. Đến cuối năm 2021 ông Tô Văn T1 ra xây dựng nhà trên đất thừa kế dẫn đến tranh chấp trong gia đình, sự việc đã được hoà giải tại UBND xã. Tuy được U, giải thích nhưng ông Tô Văn T1 không đồng ý, vì vậy UBND xã đã hướng dẫn cụ Nguyễn Thị H khởi kiện vụ việc ra Tòa án. Việc cụ huỷ bỏ một phần di chúc trong di chúc chung của cụ với cụ Tô Văn T1 và đề nghị phân chia cụ thể phần tài sản của cụ đây là quyền, lợi ích hợp pháp của cụ đối với tài sản của mình theo quy định của pháp luật, vì vậy UBND xã không có ý kiến gì đối với yêu cầu của cụ cũng như những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ. Nhà tình nghĩa được xây dựng là do cụ Nguyễn Thị H là mẹ Việt Nam anh hùng nên được hỗ trợ tiền để xây nhà tình nghĩa, là tiêu chuẩn riêng của cụ H, không liên quan đến cụ L. Có sự chênh lệch về diện tích giữa sổ mục kê và đo đạc hiện trạng là do sai số trong đo đạc.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:* Ông Tô Ngọc V, Tô Thị N, Tô Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của anh Tô Mạnh C, Tô Minh V1 đều thống nhất trình bày về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của bố mẹ

các ông bà đúng như cụ H đã trình bày lúc còn sống, các ông bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyện vọng để đất làm nơi thờ cúng của cụ H.

Kết quả định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: thửa đất số 143, tờ bản đồ số 6, diện tích hiện trạng 257m² có trị giá 30.000.000 đồng/m²; thửa đất số 145, tờ bản đồ số 6, loại đất ao, diện tích 100m² có trị giá 42.000 đồng/m². Các tài sản trên đất gồm: nhà mái bằng 30,6m² trị giá 79.866.000 đồng; bếp diện tích 11,1m² trị giá 11.895.500 đồng, khu vệ sinh trị giá 10.288.000 đồng, mái tôn 6m² trị giá 1.601.082 đồng, nhà tạm lợp Broximang diện tích 7m² trị giá 241.348 đồng; sân bê tông 36,5m² trị giá 4.997.708 đồng; các tài sản khác gồm bể nước, mái lợp broximang trước, sau, cổngậu không định giá, đây là các tài sản của cụ H; nhà chính xây gạch, mái tôn, diện tích 67,4m² trị giá 224.941.281 đồng; sân mái tôn, diện tích 17,2m² trị giá 5.901.131 đồng; sân bê tông 56,1m² trị giá 9.876.096 đồng; công trình phụ, diện tích 4,1m² trị giá 12.302.733 đồng; sân sau lợp mái broximang, diện tích 34,8m² trị giá 6.890.847 đồng; biển quảng cáo trị giá 10.000.000 đồng, đây là các tài sản do ông T1, anh T2 và chị Q xây dựng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DSST ngày 30/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị H, chia di sản thừa kế của cụ Tô Văn L theo di chúc.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Tô Văn L gồm 128,5m² đất ở nằm trong 257m² đất ở thuộc thửa 143 và 50m² đất ao nằm trong 100m² đất ao thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chia và giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ Tô Văn L cho ông Tô Văn T1 theo di chúc.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế khác, tặng cho ông Tô Văn T1 7,5m² đất ở nằm trong 257m² đất ở của thửa 143 và 50m² đất ao còn lại thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 6, tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Như vậy, ông Tô Văn T1 được quyền sử dụng 136m² đất ở nằm trong 257m² đất ở thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 6 và 100m² đất ao thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 6, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, đất ở có tứ cận như sau:

Phía đông giáp đường N dài 3,48m

Phía tây giáp thửa 145 dài 5,29m

Phía nam giáp thổ bà H1 và thửa 145 dài 1,08m + 15,09m + 0,50m + 6,77m + 7,65m + 1,72m

Phía bắc giáp phần đất của cụ H dài 4,92m + 8,66m + 9,41m + 9,56m.

Và được tiếp tục sở hữu các tài sản trên đất gồm: nhà chính xây gạch, mái tôn, diện tích 67,4m²; sân mái tôn, diện tích 17,2m²; sân bê tông 56,1m², diện tích 34,8m²; biển quảng cáo.

Đất ao có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 143 và đất bà H1 dài 4,58m + 5,29m + 1,72m + 4m + 0,90m + 3,27m

Phía tây giáp thổ đất ông T4 dài 5,22m + 13,77m

Phía nam giáp đường bê tông dài 3,48m + 2,25m

Phía bắc giáp thổ đất ông C2 dài 4,34m

3. Chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị H: xác nhận quyền sử dụng 121m² đất ở còn lại thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 6, bản đồ đo đạc năm 1995, tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; đất có tứ cận:

Phía bắc giáp nhà ông P dài 23,06m + 6,41m + 1,80m

Phía Đông giáp đường N dài 3,53m

Phía Nam giáp đất nhà ông T1 dài 4,92m + 8,66m + 9,41m + 9,56m

Phía Tây giáp thửa 143 dài 4,58m.

Và các tài sản trên đất gồm: nhà mái bằng được nhà nước hỗ trợ, diện tích 30,6m²; mái lợp Bro đằng trước nhà diện tích 11,5m²; mái lợp Bro phía sau diện tích 12m²; cổng dậu phía trước lưới B40 khung tuýp 3,53m; bếp sau nhà có diện tích 11,1m²; mái tôn diện tích 6m²; khu nhà vệ sinh diện tích 4m²; bể nước diện tích 1,7m²; sân bê tông diện tích 36,5m² là tài sản của cụ Nguyễn Thị H, nguyện vọng của cụ để làm nơi thờ cúng.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

- Ghi nhận sự thoả thuận của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H giao cho ông Tô Ngọc V có trách nhiệm trông nom, quản lý khối tài sản của cụ H.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị H: Buộc ông Tô Văn T1 và anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q phải tháo dỡ: 7m² mái lợp bro tạm đằng sau; một phần biển quảng cáo nằm trên đất của cụ Nguyễn Thị H.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu huỷ một phần di chúc của cụ Nguyễn Thị H trong di chúc chung của cụ H và cụ L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2023, bị đơn là ông Tô Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q kháng cáo một phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Tô Văn T1 giữ kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, vì năm 2000 cụ L và cụ H đã di chúc cho ông toàn bộ tài sản là nhà, đất tại thửa 143 và thửa 145, tờ bản đồ số 6 tại khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Tòa án cấp sơ thẩm giao đất cho ai, trường hợp giao đất để xây nhà thờ thì đất phải đứng tên của ông.

- Anh Tô Thanh T2 và chị Đỗ Thị Quỳnh kháng cáo, trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và thống nhất với đề nghị của ông Tô Văn T1.

Ngoài ra, anh và chị cho rằng đối với lán bro lợp tạm 7m² phía đằng sau nhà của cụ H và phần biển quảng cáo phía trước nhà trước đây khi xây dựng có được sự đồng ý của cụ H.

- Ông Tô Ngọc V, Tô Thị N, Tô Văn T trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn là ông Tô Văn T1 và anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giao phần đất của cụ H cho các đồng thừa kế, nhưng ông T1 là người có quyền lợi đối lập, nên không giao cho ông T1 là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1.

Căn cứ Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1 và không chấp nhận kháng cáo của anh T2, chị Q; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa; Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn là ông Tô Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu và xác định những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có đương sự vắng mặt, nhưng có đại diện theo ủy quyền cũng như đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xét xử theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 15/8/2000, cụ Tô Văn L (chết năm 2003) và cụ Nguyễn Thị H (chết ngày 22/9/2022) lập di chúc chung, để lại toàn bộ tài sản là nhà, đất tại thửa số 143 và thửa số 145, tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1995 tại khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình cho ông Tô Văn T1. Di chúc có xác nhận của chính quyền địa phương, căn cứ Điều 655, Điều 666 của Bộ luật dân sự 1995, xác định di chúc chung của cụ L và cụ H là hợp pháp. Ngày 10/5/2012, cụ H có đơn xin huỷ phần di chúc của cụ trong di chúc chung của vợ chồng, có xác nhận của chính quyền địa phương xã T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 664 Bộ luật dân sự 2005: *“Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia, nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình”*. Do đó, năm 2012 cụ H có đề nghị huỷ phần di chúc liên quan đến phần tài sản của cụ, trong đó cụ xác định phần tài sản ông T1 được hưởng là 132,5m² đất ở, phần còn lại là tài sản của cụ, cụ để xây nhà tình nghĩa và sau khi qua đời nhà tình nghĩa làm nơi thờ tự tổ tiên. Nên, xác định di chúc chung của cụ H và cụ L, chỉ có hiệu lực phần của cụ L, còn phần của cụ H, cụ đã thay đổi ý chí nên không có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của cụ H và sau này là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H.

[3.1] Về tài sản chung: Khi còn sống cụ Tô Văn L và cụ Nguyễn Thị H có tạo lập được khối tài sản theo đo đạc thực tế là 257m² đất ở tại thửa số 143, tờ bản đồ số 6 và 100m² đất ao tại thửa số 145, tờ bản đồ số 6, theo bản đồ đo đạc năm 1995 cùng 01 nhà gói 03 gian + bếp nhỏ xây dựng trên đất từ khoảng năm 1982 tại Khu C, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ khối tài sản trên là tài sản của cụ H và cụ L, năm 2000 hai cụ có di chúc chung để lại toàn bộ cho ông Tô Văn T1, nhưng sau đó cụ H đã huỷ bỏ phần di chúc của cụ trong di chúc chung của vợ chồng nên xác định chỉ phần di chúc của cụ L có hiệu lực pháp luật.

Thấy rằng, trong đơn huỷ bỏ di chúc năm 2012, cụ H đã định đoạt quá phần tài sản của cụ được hưởng gồm 50m² đất ao và giá trị ½ ngôi nhà + bếp, nhưng trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cụ H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H đều chỉ đề nghị Tòa án xác định tài sản của cụ H là 121m² đất ở và các tài sản trên đất gồm: nhà mái bằng được nhà nước hỗ trợ xây dựng năm 2012 diện tích 30,6m²; mái lợp Bro đằng trước nhà xây dựng năm 2012 diện tích 11,5m²; mái lợp Bro phía sau xây dựng năm 2012 diện tích 12m²; cổng dậu phía trước lưới B40 khung tuýp 3,53m xây dựng năm 2012; bếp

sau nhà xây dựng năm 2012 có diện tích 11,1m²; mái tôn xây dựng năm 2019 diện tích 6m²; khu nhà vệ sinh xây dựng năm 2019 diện tích 4m²; bể nước xây dựng năm 2012 diện tích 1,7m²; sân bê tông xây dựng năm 2019 diện tích 36,5m². Phần diện tích 50m² ao và 7,5m² đất ở còn lại của cụ H trong khối tài sản chung với cụ L sẽ để lại cho ông T1 được hưởng toàn bộ; đối với ngôi nhà, tại phiên tòa các đương sự đều xác định nhà xây dựng từ năm 1982, đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn giá trị sử dụng nên xác định di sản thừa kế là ngôi nhà không còn.

[3.2] Như vậy, xác định di sản của cụ L gồm 128,5m² đất ở thuộc thửa 143 và 50m² đất ao thuộc thửa 145, tờ bản đồ 6 đo đạc năm 1995 tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình có tổng trị giá 3.857.100.000 đồng. Cụ L chết có để lại di chúc, di chúc của cụ L là hợp pháp, vì vậy chia theo di chúc.

Phần tài sản của cụ H, cụ H chỉ yêu cầu được nhận 121m² đất ở tại thửa 143, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 1990 và các tài sản của cụ trên phần diện tích đất này, cụ H có nguyện vọng khi còn sống thì cụ sẽ ở, khi cụ chết thì làm nơi thờ cúng, các đồng thừa kế khác nhất trí với nguyện vọng của cụ H.

Phần diện tích 7,5m² đất ở còn lại của thửa 143 và 50m² đất ao còn lại của thửa 145, cụ H và các đồng thừa kế khác nhất trí để lại cho ông T1 được quyền sử dụng, xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức xã hội cần ghi nhận.

[3.3] Ông T1 yêu cầu phải để lại nhà của cụ H cho ông, vì cụ H đã phá nhà di chúc lại cho ông đi thì thấy, ngôi nhà này được xây dựng từ những năm 1980 - 1982 đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn giá trị sử dụng, di sản cũng không còn, ngôi nhà hiện nay do nhà nước hỗ trợ cụ H xây dựng nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, đề nghị này của ông T1 là không có căn cứ.

[3.4] Đối với 7m² mái tạm lợp B, một phần biển quảng cáo đằng trước được bố con ông Tô Văn T1, anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q xây dựng trên đất của cụ Nguyễn Thị H. Vì vậy cần buộc ông T1, anh T2, chị Q phải tháo dỡ các công trình xây dựng này để trả lại diện tích đất cho cụ Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3.5] Cụ H sinh sống trên diện tích đất và tiếp tục trông nom, quản lý di sản từ khi cụ L chết (năm 2003) đến khi cụ chết (ngày 22/9/2022), do đó không xác định công sức trông nom, duy trì, bảo quản di sản cho các đương sự.

[4] Với nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T1, anh T2 và chị Q kháng cáo.

[5] Xét kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 và anh T2, chị Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để làm căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, phần tài sản của cụ H được hưởng được xác định là di sản. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T1 là người có quyền lợi đối lập với cụ H, nên giao tài sản mà cụ H được chia cho các đồng thừa kế nhưng không xác định ông T1 là đồng thừa kế, là không đúng. Do đó, cần sửa phần này cho phù hợp với pháp luật và chấp nhận một kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo, nên ông Tô Văn T1 không phải nộp; kháng cáo của anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q không được chấp nhận, nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là ông Tô Văn T1;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (phần quản lý tài sản của cụ H), cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị H (sau này là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H), chia di sản thừa kế của cụ Tô Văn L theo di chúc.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Tô Văn L gồm 128,5m² đất ở nằm trong 257m² đất ở thuộc thửa 143 và 50m² đất ao nằm trong 100m² đất ao thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chia và giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ Tô Văn L cho ông Tô Văn T1 theo di chúc.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế khác, tặng cho ông Tô Văn T1 7,5m² đất ở nằm trong 257m² đất ở của thửa 143 và 50m² đất ao còn lại thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 6, tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Như vậy, ông Tô Văn T1 được quyền sử dụng 136m² đất ở nằm trong 257m² đất ở thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 6 và 100m² đất ao thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 6, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, đất ở có tứ cận như sau:

Phía đông giáp đường N dài 3,48m

Phía tây giáp thửa 145 dài 5,29 mét

Phía nam giáp thổ bà H1 và thửa 145 dài 1,08m + 15,09m + 0,50m + 6,77m + 7,65m + 1,72m.

Phía bắc giáp phần đất của cụ H dài 4,92m + 8,66m + 9,41m + 9,56m.

Và được tiếp tục sở hữu các tài sản trên đất gồm: nhà chính xây gạch, mái tôn, diện tích 67,4m²; sân mái tôn, diện tích 17,2m²; sân bê tông 56,1m², diện tích 34,8m²; biển quảng cáo.

Đất ao có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 143 và đất bà H1 dài 4,58m + 5,29m + 1,72m + 4m + 0,90m + 3,27m.

Phía tây giáp thổ đất ông T4 dài 5,22m + 13,77m

Phía nam giáp đường bê tông dài 3,48m + 2,25m

Phía bắc giáp thổ đất ông C2 dài 4,34m

3. Chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị H: xác nhận quyền sử dụng 121m² đất ở còn lại thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 6, bản đồ đo đạc năm 1995, tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; đất có tứ cận:

Phía bắc giáp nhà ông P dài 23,06m + 6,41m + 1,80m

Phía Đông giáp đường N dài 3,53m

Phía Nam giáp đất nhà ông T1 dài 4,92m + 8,66m + 9,41m + 9,56m

Phía Tây giáp thửa 143 dài 4,58m

Và các tài sản trên đất gồm: nhà mái bằng được nhà nước hỗ trợ, diện tích 30,6m²; mái lợp Bro đằng trước nhà diện tích 11,5m²; mái lợp Bro phía sau diện tích 12m²; cổng đậu phía trước lưới B40 khung tuýp 3,53m; bếp sau nhà có diện tích 11,1m²; mái tôn diện tích 6m²; khu nhà vệ sinh diện tích 4m²; bể nước diện tích 1,7m²; sân bê tông diện tích 36,5m² là tài sản của cụ Nguyễn Thị H, nguyện vọng của cụ để làm nơi thờ cúng.

(Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)

- Ghi nhận sự thoả thuận của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ H (là ông Tô Ngọc V, bà Tô Thị N, ông Tô Văn T, anh Tô Mạnh C, anh Tô Minh V1) giao cho ông Tô Ngọc V có trách nhiệm trông nom, quản lý khối tài sản của cụ H.

Như vậy, tạm giao ông Tô Ngọc V và ông Tô Văn T1 cùng có trách nhiệm trông nom, quản lý khối tài sản của cụ Nguyễn Thị H làm nơi thờ tự tổ tiên (theo yêu cầu khởi kiện của cụ H).

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị H: Buộc ông Tô Văn T1 và anh Tô Thanh T2, chị Đỗ Thị Q phải tháo dỡ: 7m² mái lợp Bro tạm đằng sau; một phần biển quảng cáo nằm trên đất của cụ Nguyễn Thị H.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tô Văn T1 không phải nộp, trả lại ông Tô Văn T1 300.000 đồng (do anh Tô Thanh T2 nộp thay) tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005725 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Anh Tô Thanh T2 và chị Đỗ Thị Q phải nộp mỗi người 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005724, số 0005726 cùng ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Hưng